

UBND TỈNH LÀO CAI  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /KH-SNN

Lào Cai, ngày tháng 8 năm 2021

## KẾ HOẠCH

### Tăng cường năng lực Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn WB năm 2021

Thực hiện Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt Kế hoạch Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”, vay vốn WB năm 2021-2022.

Thực hiện Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2021 cho một số cơ quan, đơn vị.

Căn cứ Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình và nội dung kế hoạch được phê duyệt của 03 ngành Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực (TCNL) thuộc Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021 tỉnh Lào Cai cụ thể như sau:

#### I. Hiện trạng và các mục tiêu vệ sinh, cấp nước của tỉnh

##### 1. Hiện trạng vệ sinh và cấp nước

- *Hiện trạng vệ sinh*: theo số liệu tổng hợp 6 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu HVS đạt 86,2 %, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu HVS toàn tỉnh đạt 91,8 %, tỷ lệ Trạm y tế xã có nước và nhà tiêu HVS đạt 92%.

- *Hiện trạng cấp nước*: tính đến tháng 7 năm 2021, trên địa bàn tỉnh có 922 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn; số lượng các nguồn cấp nước nhỏ lẻ khác là 58.315 công trình (giếng đào, giếng khoan, bể chứa nước mưa và ống dẫn nước riêng hộ gia đình); tỷ lệ số hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 95%, trong đó có 35% số dân nông thôn được sử dụng nước đạt QCVN02/2009/BYT.

##### 2. Mục tiêu của tỉnh

- *Mục tiêu về vệ sinh*: Duy trì vệ sinh toàn xã bền vững đối với 17 xã tại 7 huyện/ thị xã đã đạt vệ sinh toàn xã được thẩm định xác nhận kết quả năm 2019 nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi của người dân nông thôn, cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh đạt tiêu chuẩn, cụ thể:

TT	Tên xã can thiệp để đạt vệ sinh toàn xã bền vững	Tên huyện	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm(%)	Ghi chú
1	Lương Sơn	Bảo Yên	9	827	3.329	93,8	

TT	Tên xã can thiệp để đạt vệ sinh toàn xã bền vững	Tên huyện	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS đầu năm(%)	Ghi chú
2	Long Phúc		14	1.330	5.426	81,7	
3	Tân Dương		10	850	3.863	84,5	
4	Vĩnh Yên		6	957	4.770	76,0	
5	Khánh Yên Hạ	Văn Bàn	12	1.213	5.405	90,6	
6	Phìn Ngan	Bát Xát	13	639	3.232	82,3	
7	Mường Hum		6	535	2.202	86,9	
8	Bản Xèo		4	488	1.977	81,6	
9	Bản Vược		8	1.185	4.031	85,6	
10	Bản Qua		18	967	4.502	98,4	
11	Quang Kim		18	1.382	6.030	94,1	
12	Bản Mế	Si Ma Cai	5	524	2.599	83,4	
13	Bản cầm	Bảo Thắng	6	1.103	4.422	80,0	
14	Bản Phiệt		8	1.299	5.092	94,0	
15	Nậm Đét	Bắc Hà	5	494	2.598	84,8	
16	Na Hối		9	1.020	4.767	87,5	
17	Tả Phìn	Sa Pa	6	743	3.520	79,9	
	<b>Tổng</b>		<b>157</b>	<b>15.556</b>	<b>67.765</b>	<b>81</b>	

*- Mục tiêu về cấp nước:*

+ Mục tiêu tổng quát: Tăng cường tiếp cận bền vững các công trình nước sạch nông thôn đảm bảo đạt được 11.000 đầu nối cấp nước sinh hoạt nông thôn, góp phần nâng cao tỷ lệ số hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; Phần đầu kiểm đếm số hộ gia đình có hệ thống cấp nước bền vững sau 2 năm sử dụng (DLI 2.1) là 4.529 đầu nối.

+ Mục tiêu năm 2021: Hoàn thành, bàn giao 06 công trình kế hoạch năm 2020 vào sử dụng, dự kiến đăng ký kiểm đếm 2.198 đầu nối nước mới và khởi công mới 02 danh mục công trình cấp bổ sung, cụ thể:

TT	Tên xã	Tổng số hộ	Tên công trình	Loại hình CT	Số hộ đã đầu nối (đầu kỳ)	Số hộ đầu nối mới (cuối kỳ)	Số hộ đầu nối nước sử dụng (đến cuối kỳ)	Thời gian bắt đầu triển khai	Dự ước năm hoàn thành
1	Xã Phú Nhuận	3.060	CNSH Phú Thủy + Khe Hoi, Đầu Nhuận xã Phú Nhuận	Làm mới	0	494	494	2020	2021
2	Xã Minh Tân	690	CNSH Bán Mai 1,2,3,4,5 xã Minh Tân	Làm mới	0	337	337	2020	2021
3	xã Bản Xen	980	CNSH Na Nổi xã Bản Xen	Làm mới	0	183	183	2020	2021
4	Xã Cốc San	1.270	CNSH Tồng Xành I xã Cốc San	Nâng cấp, sửa chữa	150	310	310	2020	2021
5	xã Quang Kim	1.550	CNSH 7 thôn Tả Trang xã Quang Kim	Nâng cấp, sửa chữa	375	620	620	2020	2021
6	Xã Võ Lao	3.180	CNSH Chiềng 1,2,3,4	Nâng cấp, sửa chữa	175	254	254	2020	2021
<b>TỔNG</b>		<b>10.730</b>			<b>700</b>	<b>2.198</b>	<b>2.198</b>		

### 3. Khó khăn và giải pháp tăng cường năng lực

#### a. Khó khăn

##### - Khó khăn về vệ sinh

Hiện nay, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh còn thấp. Nhận thức của người dân về công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh để quản lý phân còn hạn chế, vẫn còn tình trạng phóng uế bừa bãi, nhiều người dân khu vực nông thôn, đặc biệt là 1 số vùng dân tộc thiểu số chưa biết rửa tay sau khi đi vệ sinh, vẫn còn nhiều hộ gia đình sử dụng phân tươi trong trồng trọt.

Ngoài ra, các quy định về tiêu chí lựa chọn dự án áp dụng cho địa bàn vùng núi gặp nhiều khó khăn, mục tiêu Chương trình tương đối cao và là một thách thức đối với tỉnh.

##### - Khó khăn về cấp nước

Địa hình miền núi, dân cư phân bố không tập trung, công trình sử dụng đa dạng như sử dụng nước từ khe, mạch lộ, giếng, bơm, công trình tập trung. Công trình tự chảy miền núi có nhiều nguồn nước riêng biệt, quy mô từng nguồn nước phục vụ ở phạm vi hẹp 1-5 thôn; đầu nguồn lấy nước tự chảy thường ở các khe suối nhỏ, xa khu dân cư, việc quản lý bảo vệ gặp nhiều khó khăn; dân trí thấp, tập quán còn lạc hậu, dân cư nông thôn chưa sẵn sàng đóng góp tiền sử dụng

nước; nhiều công trình cấp nước đã xây dựng không đảm bảo được tính bền vững do công tác vận hành và bảo dưỡng chưa tốt.

### ***b. Giải pháp tăng cường năng lực***

Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch dựa trên kết quả” tỉnh Lào Cai thực hiện từ năm 2017-2020 đã hoàn thành các chỉ số giải ngân cơ bản của hoạt động sự nghiệp. Giải pháp để hoàn thành mục tiêu đạt các chỉ số giải ngân cuối năm 2021 như sau:

- Truyền thông thay đổi hành vi (BCC) vệ sinh đồng thời hỗ trợ phát triển thị trường vệ sinh nhằm cải thiện thói quen rửa tay với xà phòng, chắm dứt phóng uế bừa bãi và tăng cường sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;

- Tăng cường tiếp cận bền vững với nước sạch và tăng độ bao phủ nước hợp vệ sinh ở khu vực nông thôn miền núi và DTTS thông qua việc thay đổi sâu sắc về nhận thức và tiếp cận của các cấp, các ngành đặc biệt là cộng đồng trong các khâu đầu tư và quản lý;

- Thúc đẩy vệ sinh môi trường và vệ sinh cá nhân tại các điểm trường thực hiện Chương trình; truyền thông đến toàn bộ học sinh và giáo viên biết cách giữ vệ sinh cho bản thân và môi trường xung quanh.

## **II. Kế hoạch tăng cường năng lực năm 2021**

### **1. Ngành Nông nghiệp**

*a. Tổ chức 01 Hội nghị triển khai cấp tỉnh; Tập huấn về sổ tay hướng dẫn thực hiện chương trình (POM) và các vấn đề về dân tộc thiểu số cho các sở, ban, ngành liên quan và các huyện/xã tham gia chương trình:* thành phần gồm đại diện các sở ban ngành liên quan (Sở NN&PTNT, Sở GD&ĐT, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở KHĐT) và cán bộ các huyện, xã được đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung khởi công năm 2020, với nội dung là trình bày rõ mục tiêu cần đạt được, chỉ tiêu hàng năm, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan, kế hoạch triển khai thực hiện trong năm và những yêu cầu đã được nêu trong POM... của Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả; trách nhiệm của cấp xã đối với dự án, trách nhiệm của người dân tham gia dự án, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

Tập huấn các vấn đề về dân tộc thiểu số cho Ban điều hành chương trình tỉnh, đại diện các ban ngành liên quan cũng như đại diện UBND, các phòng ban liên quan của các huyện, xã có can thiệp trong năm nhằm giúp họ nắm được các nguyên tắc, quy định, phương pháp thực hiện chương trình, định hướng khi làm việc với cộng đồng người dân tộc thiểu số, biết cách vận dụng các nguyên tắc đó vào trong từng tình huống cụ thể.

*b. Tổ chức 02 lớp tập huấn về sổ tay hướng dẫn vận hành và quản lý các công trình cấp nước dựa vào cộng đồng; tập huấn về thông tin giáo dục truyền thông (IEC) về cấp nước:* đẩy mạnh hoạt động truyền thông có chất lượng tại cộng đồng góp phần nâng cao tỷ lệ đầu nối hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh, nâng cao tỷ lệ trả phí cấp nước tại cộng đồng. Thành phần tham gia lớp tập

huấn này là đại diện các ban, ngành, tuyên truyền viên và nhân dân tại huyện, xã, thôn có can thiệp trong năm.

*c. Tổ chức 21 đợt kiểm tra hướng dẫn về quy chế, sửa chữa, vận hành, giám sát xây dựng công trình... cho tổ quản lý, cán bộ chuyên trách xã, thôn: nhằm nâng cao trình độ giám sát, vận hành, sửa chữa, ghi sổ sách... cho tổ quản lý, cán bộ chuyên trách xã, thôn làm tăng tính bền vững của công trình, đặc biệt nâng cao công tác quản lý, khai thác cho đội ngũ quản lý trực tiếp công trình.*

*d. Tổ chức 11 cuộc họp dân triển khai xây dựng các công trình cấp nước năm 2021, họp dân sau khi bàn giao công trình cấp nước năm 2020: tổ chức họp triển khai dự án và kết thúc dự án tại các xã xây dựng công trình năm 2020, 2021 nhằm giới thiệu về công trình cấp nước tại địa phương: nhấn mạnh quyền và trách nhiệm của người dân đối với việc tham gia sử dụng và bảo vệ công trình cấp nước tập trung; người dân tham gia vào việc giám sát đầu tư và quản lý công trình cấp nước, gắn với trách nhiệm chi trả chi phí đầu nối và sử dụng nước của người dân vùng hưởng lợi.*

*e. Tổ chức 01 lớp tập huấn hướng dẫn quản lý vận hành công trình cấp nước cho người quản lý: Tổ chức tập huấn cho các thành viên tổ quản lý vận hành các công trình mới được đầu tư xây dựng; hướng dẫn thực hiện công tác quản lý vận hành, ghi chép sổ sách thu chi, nhật ký sửa chữa ...và các yêu cầu khác của nhà tài trợ.*

***Kinh phí thực hiện:*** 203.330.000 đồng.

## **2. Ngành Y tế**

*a. Tổ chức Hội nghị triển khai về Chương trình vệ sinh, tại 03 cấp: Cấp tỉnh, huyện, xã qua đó thấy được tầm quan trọng của vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn: Giúp các bên liên quan nắm được cơ chế, cách thức thực hiện Chương trình và tham gia vào quá trình ra quyết định.*

*b. Tập huấn cho giảng viên nông cốt (TOT): Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật sẽ hỗ trợ TTYT huyện, TYT xã trong việc lựa chọn các cán bộ tham gia tập huấn và triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng. Các giảng viên nông cốt được tập huấn ở Trung ương sẽ là các giảng viên cho các cấp thấp hơn để truyền đạt lại các kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng truyền thông tại cộng đồng. Các lớp tập huấn TOT ở các cấp tại địa phương sẽ tập trung vào các nội dung sau:*

+ Kỹ năng truyền thông vận động cộng đồng thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường;

+ Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động;

+Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình; Xây dựng và sử dụng nhà tiêu cải thiện, tiếp thị vệ sinh và kết nối chuỗi cung - cầu.

***Kinh phí thực hiện:*** 87.305.000 đồng.

*(có khung kế hoạch chi tiết kèm theo)*

### 3. Ngành Giáo dục

a. *Tập huấn TOT cho CBQL và cán bộ y tế trường học:* về các nội dung liên quan đến Chương trình, phương pháp truyền thông sẽ triển khai tại trường học và công tác vệ sinh trường học cụ thể là truyền thông thay đổi hành vi cho học sinh, các hoạt động giáo dục vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường lồng ghép vào các môn học chính khóa, ngoại khóa; tuyên truyền, vận động gia đình tích cực cùng tham gia công tác bảo vệ tại cộng đồng.

b. *Giám sát và thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trong trường học:* tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác truyền thông, vệ sinh tại các điểm trường học thuộc 17 xã đăng ký kiểm đếm bền vững năm 2021.

**Kinh phí thực hiện:** 42.000.000 đồng.

*(có khung kế hoạch chi tiết kèm theo)*

### III. Tổ chức thực hiện

**1. Sở Nông nghiệp và PTNT** giao Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn chủ trì triển khai thực hiện các hoạt động của ngành Nông nghiệp đảm bảo hoàn thành mục tiêu theo kế hoạch; thực hiện thanh quyết toán nguồn vốn; tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của Chương trình và khi có yêu cầu của Trung ương;

**2. Sở Y tế** giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chủ trì tổ chức triển khai các hoạt động của ngành Y tế đã xây dựng; phối hợp với sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất nội dung, hoàn thành kế hoạch năm 2021 đảm bảo đạt các tiêu chí theo quy định của Chương trình;

**3. Sở Giáo dục và Đào tạo** trực tiếp tổ chức triển khai các hoạt động của ngành Giáo dục; phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thống nhất nội dung đăng ký kiểm đếm, rà soát lại các tiêu chí thực hiện của Chương trình đảm bảo đạt yêu cầu trong công tác kiểm đếm kết quả tại các trường học./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- GD sở, PGD sở (Ô. Huy);
- Các sở: Y tế, GD&ĐT;
- Chi cục Thủy lợi;
- Các TT: NS&VSMTNT, KSBT;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tạ Công Huy**

**BẢNG 1: KHUNG KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC NĂM 2021**

TT	Chủ đề hoặc hoạt động	Số lượng hoạt động	Nhóm mục tiêu (Người hưởng lợi)	Phương thức thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách (nghìn đồng)	Thời gian dự kiến
<b>I</b>	<b>Ngành Nông nghiệp và PTNT</b>					<b>203.330</b>	
1	Hội nghị triển khai cấp tỉnh; Tập huấn về sổ tay hướng dẫn thực hiện chương trình (POM) và các vấn đề về dân tộc thiểu số cho các sở, ban, ngành liên quan và các huyện/xã tham gia chương trình	01	Thành viên BDH, cán bộ quản lý các sở, ngành, cấp huyện, xã, được lựa chọn xây dựng công trình cấp nước năm 2021	Hội nghị/tập huấn cấp tỉnh	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	6.000	2 ngày/lớp; 20 người; Quý III/2021
2	Tập huấn về sổ tay hướng dẫn thực vận hành và quản lý các công trình cấp nước dựa vào cộng đồng; tập huấn về thông tin giáo dục truyền thông (IEC) về cấp nước	02	Cán bộ quản lý, cán bộ đoàn thể các xã, thôn được xây dựng công trình cấp nước nắm bắt được việc vận hành, quản lý, sửa chữa nhỏ các công trình cấp nước cũng như phương pháp, kỹ năng khi thực hiện truyền thông về nước sạch tại cộng đồng thuộc Chương trình WB	Tập huấn	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	32.000	2 ngày/lớp, tổng 2 lớp; 40 người; Quý III, IV/2021
3	Kiểm tra hướng dẫn về quy chế, sửa chữa, vận hành, giám sát xây dựng công trình... cho tổ quản lý, cán bộ xã, thôn tại các công trình cấp nước xây dựng năm 2018, 2019, 2020	21	Đối tượng: là người trong tổ quản lý, cán bộ thôn, xã của các công trình cấp nước xây dựng năm 2019, 2020, 2021	Kiểm tra, hướng dẫn	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	50.400	2 ngày/đợt, tổng 21 đợt; Quý III, IV/2021
4	Tổ chức họp dân đưa vào sử dụng các công trình xây dựng năm 2021	11	Người dân, cán bộ cấp thôn, xã của các xã xây dựng dự án cấp	Họp, thông tin, trao đổi	Trung tâm Nước sạch và	76.230	1/2 ngày/cuộc, tổng 11 cuộc;

			nước năm 2020, 2021		VSMT nông thôn		660 người; Quý III, IV/2021
5	Tổ chức tập huấn quản lý vận hành cho các thành viên tổ quản lý công trình được xây dựng bằng nguồn vốn Chương trình	01	Thành viên tổ quản lý công trình	Tập huấn	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	38.700	2 ngày/ đợt, 30 người; Quý III, IV/2021
<b>II</b>	<b>Ngành Y tế</b>					<b>87.305</b>	
1	Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn	02	Tuyển tỉnh : Sở y tế, Sở GD&ĐT, TT nước sạch, TTKSBT, Sở NN và PTNT, TTYT huyện. Cấp xã: UBND xã, Trạm Y tế, Hội PN, Tuyên truyền viên, trưởng thôn	Hội thảo	Sở Y tế, TTKSBT tỉnh, TTYT huyện, Trạm Y tế xã	70.605	2 ngày/Hội thảo; Quý III/2021
2	Tập huấn TOT cho các cán bộ nông cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá	01	Cán bộ y tế cấp tỉnh, huyện	Lớp TH	TTKSBT tỉnh, TTYT huyện	16.700	2 ngày/lớp; 28 người; Quý IV/2021
<b>III</b>	<b>Ngành Giáo dục</b>					<b>42.000</b>	
1	Tập huấn TOT về các nội dung liên quan đến Chương trình, phương pháp truyền thông sẽ triển khai tại trường học và Công tác vệ sinh trường học cho CBQL và cán bộ y tế trường học.	01	SGD&ĐT, Phòng GD&ĐT, Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng và cán bộ y tế các trường duy trì xã VSTX bền vững	Tập huấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	19.000	2 ngày/lớp; 60 người; Quý IV/2021
2	Kiểm tra, giám sát và thực hiện hoạt động truyền thông và duy trì nhà vệ sinh, rửa tay xà phòng trong trường học tại các xã kiểm đếm bền vững.	02	Lãnh đạo và cán bộ phụ trách của sở GD&ĐT	Giám sát	Sở Giáo dục và Đào tạo	23.000	3 ngày/ xã, 2 người; Quý III, IV/2021

(Ghi chú: Kinh phí tăng cường thay đổi hành vi vệ sinh và tính bền vững các dịch vụ vệ sinh của ngành Y tế đã được chi trong kế hoạch BBC của Sở Y tế chủ trì)



**BẢNG 2: PHÂN BỐ NGÂN SÁCH VÀ NGUỒN LỰC CHO CÔNG TÁC TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC NĂM 2021**

TT	Hợp phần tăng cường năng lực	Ngân sách (nghìn đồng)	Phân bổ nguồn vốn (nghìn đồng)				
			TW	Tỉnh (Đối ứng NSDP)	Khác	Chương trình RB-SupRSWS	Tổng
<b>I</b>	<b>NGÀNH NÔNG NGHIỆP</b>						
	Tăng cường tính bền vững các công trình cấp nước	203.330		203.330			203.330
<b>II</b>	<b>NGÀNH Y TẾ</b>						
	Tăng cường thay đổi hành vi vệ sinh và tính bền vững của các dịch vụ vệ sinh	87.305		87.305			87.305
<b>III</b>	<b>NGÀNH GIÁO DỤC</b>						
	Tăng cường tính bền vững về vệ sinh và cấp nước trường học, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của học sinh.	42.000		42.000			42.000
	<b>Tổng</b>	<b>332.635</b>		<b>332.635</b>			<b>332.635</b>